

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TG
PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

DANH SÁCH ĐIỂM SAU PHÚC KHẢO MÔN LTTH
KỲ THI TỐT NGHIỆP THÁNG 7/2016

TT	Họ và tên	Lớp	SBD	Phách	Phòng thi	Điểm Trước PK	Điểm Sau PK	Số Điểm Lên	Tự luận	PK (TL)	Trắc nghiệm	T H N N	CT	Điểm TBTN trước PK	Điểm TBTN sau PK	Kết quả TN sau PK	Ghi chú
1	Võ Linh Ngân	DDCD 6B	000054	184	Phòng 02 (A32)	6	6.0	0.0	1.75	1.750	4.4	7.5	7.0	6.8	6.8	Đạt	
2	Nguyễn Võ Tú Ní	DDCD 6B	000060	199	Phòng 02 (A32)	4	3.5	-0.5	2.5	2.250	1.3	7.5	6.5	6	5.8	Không	
3	Hà Thị Thu Thảo	DDCD 6G	000256	397	Phòng 07 (GD3)	4.5	4.5	0.0	0.75	0.750	3.9	6.5	7.5	6.2	6.2	Không	
4	Nguyễn Thị Bảo Trâm	DDCD 6G	000260	401	Phòng 07 (GD3)	3.5	4.0	0.5	2.25	2.500	1.4	8.0	6.0	5.8	6	Không	
5	Phạm Thị Bình Nhi	HSCD 1	000295	437	Phòng 08 (GD2)	4	4.0	0.0	2.5	2.500	1.3	7.0	5.0	5.3	5.3	Không	
6	Phạm Minh Luân	DDTC 21A	000313	455	Phòng 09 (C12)	6	5.5	-0.5	2	1.500	3.8	8.0	6.0	6.7	6.5	Đạt	6.8, TBK
7	Phạm Nguyễn Hồng Phúc	DDTC 21A	000329	471	Phòng 09 (C12)	4	4.0	0.0	0.75	0.750	3.3	7.0	M	5.5	5.5	Không	
8	Ngô Thị Anh Thuy	DDTC 21A	000330	472	Phòng 09 (C12)	6.5	6.5	0.0	1.75	1.750	4.8	8.5	5.5	6.8	6.8	Đạt	
9	Trần Duy Diễm Phúc	DDTC 21B	000352	494	Phòng 10 (C11)	4.5	4.0	-0.5	1.25	0.750	3.4	6.0	6.0	5.5	5.3	Không	
10	Lâm Hữu Nhân	DSTC 21A	000370	513	Phòng 11 (C13)	4	4.0	0.0	0.25	0.500	3.6	6.5	M	5.3	5.3	Không	
11	Công Thị Hoài Thương	DSTC 21B	000396	539	Phòng 12 (C14)	4	4.0	0.0	0.75	0.750	3.1	6.0	5.5	5.2	5.2	Không	
12	Phạm Tuấn Tri	DSTC 21C	000420	563	Phòng 13 (C15)	4.5	4.5	0.0	1	1.000	3.4	6.5	6.5	5.8	5.8	Không	
13	Trần Văn Dện	DSTC 21D	000432	575	Phòng 14 (C21)	4	4.5	0.5	1	1.250	3.2	6.5	6.0	5.5	5.7	Không	
14	Nguyễn Hoàng Duy	DSTC 21D	000433	576	Phòng 14 (C21)	6.5	7.0	0.5	1.75	2.250	4.8	6.5	7.5	6.8	7	Đạt	6.9, TBK
15	Nguyễn Thị Ngọc Hân	DSTC 21D	000434	577	Phòng 14 (C21)	4.5	5.0	0.5	0.5	0.750	4	6.5	7.0	6	6.2	Đạt	đạt TN
16	Nguyễn Hồ Anh Nhật	DSTC 21D	000439	582	Phòng 14 (C21)	4.5	4.5	0.0	0.5	0.500	3.8	5.5	6.0	5.3	5.3	Không	
17	Nguyễn Thị Diễm Thu	DS VLVH 21B	000477	620	Phòng 15 (C22)	4.5	5.0	0.5	1	1.250	3.7	5.5	M	5	5.3	Đạt	đạt TN
18	Nguyễn Thị Phương Thảo	DSTC 21F	000487	631	Phòng 16 (C23)	4.5	4.5	0.0	0.75	1.000	3.6	5.5	5.5	5.2	5.2	Không	
19	Phạm Hồ Bảo Trân	DSTC 21F	000488	632	Phòng 16 (C23)	4.5	4.5	0.0	0.75	0.750	3.6	4.0	8.5	5.7	5.7	Không	
20	Phan Thị Cẩm Tú	DSTC 21F	000492	636	Phòng 16 (C23)	4.5	4.5	0.0	0.75	1.000	3.5	6.5	5.0	5.3	5.3	Không	
21	Trần Thị Thanh Tuyền	DSTC 21F	000493	637	Phòng 16 (C23)	4.5	5.0	0.5	0.75	1.000	3.8	6.0	5.5	5.3	5.5	Đạt	đạt TN
22	Nguyễn Hữu Ân	YS K.5A	000500	645	Phòng 17 (C31)	4	4.0	0.0	0.75	0.750	3.3	6.0	5.0	5	5	Không	
23	Dương Phát Đạt	YS K.5A	000503	648	Phòng 17 (C31)	4	4.0	0.0	0.05	0.500	3.3	5.0	5.0	4.7	4.7	Không	
24	Võ Hoàng Phương Hiếu	YS K.5A	000508	653	Phòng 17 (C31)	4.5	4.5	0.0	1	1.000	3.7	7.5	7.0	6.3	6.3	Không	
25	Lê Tuấn Kha	YS K.5A	000511	656	Phòng 17 (C31)	3.5	3.5	0.0	1.75	1.750	1.5	7.5	9.0	6.7	6.7	Không	



26	Trần Thị Thanh	Xuân	YS K.5A	000542	687	Phòng 17 (C31)	4	4.0	0.0	1	1.000	3.1	6.0	9.0	6.3	6.3	Không
27	Võ Thị Ngọc	Yên	YS K.5A	000543	688	Phòng 17 (C31)	4	4.0	0.0	0.75	0.750	3.3	5.0	5.5	4.8	4.8	Không
28	Nguyễn Thị Thúy	An	YS K.5B	000544	690	Phòng 18 (C32)	4.5	4.5	0.0	1	0.875	3.4	8.0	5.5	6	6	Không
29	Huỳnh Lê Hoàng	Ân	YS K.5B	000545	691	Phòng 18 (C32)	4.5	4.5	0.0	1	1.000	3.4	7.0	5.0	5.5	5.5	Không
30	Đỗ Võ	Linda	YS K.5B	000560	706	Phòng 18 (C32)	4.5	4.5	0.0	1	1.000	3.6	5.5	8.0	6	6	Không
31	Trần Tuấn	Lợi	YS K.5B	000561	707	Phòng 18 (C32)	4	4.5	0.5	0.75	0.875	3.4	5.5	6.5	5.3	5.5	Không
32	Lưu Mạnh	Nhiên	YS K.5B	000567	713	Phòng 18 (C32)	4	4.0	0.0	1	1.125	2.8	5.0	8.5	5.8	5.8	Không
33	Nguyễn Lê An	Thuận	YS K.5B	000573	719	Phòng 18 (C32)	4.5	4.5	0.0	1.5	1.625	3	6.5	5.0	5.3	5.3	Không
34	Nguyễn Thị Thụy	Tiên	YS K.5B	000574	720	Phòng 18 (C32)	4.5	4.5	0.0	1.25	1.375	3.2	6.5	8.5	6.5	6.5	Không
35	Lê Hoàng	Trung	YS K.5B	000576	722	Phòng 18 (C32)	4.5	4.5	0.0	1	1.000	3.5	8.5	5.0	6	6	Không
36	Huỳnh Nguyễn Duy	Đoan	YS K.5B	000861	729	Phòng 18 (C32)	4	4.5	0.5	1	1.125	3.2	5.5	8.0	5.8	6	Không
37	Huỳnh Khánh	Linh	YS K.5C	000597	744	Phòng 19 (C33)	4	4.0	0.0	1	0.875	3.2	6.5	5.5	5.3	5.3	Không
38	Ngô Thị Diễm	Thúy	YS K.5C	000614	761	Phòng 19 (C33)	5	5.0	0.0	1.625	1.625	3.5	4.5	3.0	4.2	4.2	Không
39	Lê Thị Mỹ	An	YS K.5D	000623	770	Phòng 20 (C41)	4	4.0	0.0	1.25	1.125	2.9	6.5	5.0	5.2	5.2	Không
40	Vô Tấn	Đạt	YS K.5D	000629	776	Phòng 20 (C41)	4.5	4.5	0.0	1.625	1.375	2.9	5.0	7.0	5.5	5.5	Không
41	Đào Thị Thúy	Nga	YS K.5D	000637	784	Phòng 20 (C41)	4	4.0	0.0	1.375	1.125	2.8	6.5	6.0	5.5	5.5	Không
42	Phan Thị Bích	Ngọc	YS K.5D	000641	788	Phòng 20 (C41)	4.5	4.5	0.0	1.25	1.125	3.4	5.0	8.5	6	6	Không
43	Ngô Thị Anh	Nguyệt	YS K.5D	000642	789	Phòng 20 (C41)	4.5	4.5	0.0	1.625	1.625	3	8.0	5.0	5.8	5.8	Không
44	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	YS K.5D	000644	791	Phòng 20 (C41)	4.5	4.5	0.0	1	0.875	3.6	7.0	5.0	5.5	5.5	Không
45	Nguyễn Thanh	Bạch	YS K.CT7	000657	806	Phòng 21 (C42)	4.5	4.5	0.0	1.5	1.500	2.9	7.5	5.0	5.7	5.7	Không
46	Trần Minh	Mẫn	YS K.CT7	000675	824	Phòng 21 (C42)	4.5	4.5	0.0	0.75	0.875	3.6	5.5	6.5	5.5	5.5	Không
47	Phạm Hoàng	Tuấn	YS K.CT7	000687	836	Phòng 21 (C42)	4.5	4.5	0.0	1.25	1.250	3.3	5.0	5.0	4.8	4.8	Không

Tổng số: 47

Tiền Giang, ngày 28 tháng 9 năm 2016

NGƯỜI LẬP BẢNG



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
HIỆU TRƯỞNG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

BS. Trần Chanh Hải

